TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN LONG THÀNH** **TỈNH ĐỒNG NAI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 96/2017/HNGĐ-ST.
Ngày: 23/8/2017.
V/v: "Ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LONG THÀNH, TỈNH ĐỒNG NAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Thanh Hoa.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Lê Thị Ánh Sáng.

2. Ông Lưu Đức Chung.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thanh Trúc – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Long Thành.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Đồng - Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 8 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Long Thành xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 112/2017/TLST-HNGĐ ngày 02 tháng 3 năm 2017 về "Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 91/2017/QĐST-HNGĐ ngày 17 tháng 7 năm 2017, Quyết định hoãn phiên tòa số 93/2017/QĐST-HNGĐ ngày 07 tháng 8 năm 2017, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Chị Đậu Thị N, sinh năm 1990.

Địa chỉ thường trú: Số 229/47, ấp 4, xã A, huyện B, tỉnh Đồng Nai.

Địa chỉ tạm trú: Ấp 4, xã A, huyện B, tỉnh Đồng Nai.

- *Bị đơn*: Anh Dương Quốc D, sinh năm 1984.

Địa chỉ thường trú: Số 229/47, ấp 4, xã A, huyện B, tỉnh Đồng Nai.

(chị N có mặt, anh D vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN

- Tại đơn khởi kiện ngày 20 tháng 02 năm 2017 và trong quá trình xét xử, nguyên đơn chị Đậu Thị N trình bày:

Chị N và anh Dương Quốc D xây dựng gia đình với nhau vào năm 2011, trên cơ sở tự nguyện, có tổ chức lễ cưới và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã A, huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai vào ngày 13/6/2011, được cấp giấy chứng nhận kết hôn số 48, quyển số 01/2011.

Sau khi kết hôn, thời gian đầu anh chị chung sống hòa thuận, hạnh phúc. Đến năm 2015 thì vợ chồng bắt đầu phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do anh D không hài lòng khi chị thường xuyên làm việc tăng ca đến 20, 21 giờ tối mới về nhà. Anh D muốn chị dành thời gian để chăm sóc gia đình, con cái nhưng do tính chất công việc phải thường xuyên tăng ca, từ đó dẫn đến vợ chồng bất đồng quan điểm, thường xuyên cãi vã. Anh D thường xuyên tụ tập bạn bè nhậu nhẹt, đi chơi đến 4, 5 ngày mới về nhà, không lo làm ăn, không quan tâm và tin tưởng chị về vấn đề tình cảm cũng như tài chính trong gia đình, anh D cho rằng chị không chung thủy nên có hành vi chửi bới và đánh đập chị bất cứ lúc nào, kể cả khi chị không làm sai điều gì, thậm chí anh D còn khóa trái cửa lại và trói tay chân, nhét giẻ vào miệng chị rồi đánh chị. Chị và anh D đã ly thân từ tháng 01 năm 2017 đến nay. Nay chị N xác định tình cảm vợ chồng không còn, không thể hòa giải đoàn tụ được nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh D.

Về con chung: Chị N và anh D có 01 con chung là cháu Dương N Vy, sinh ngày 20/8/2011, được Ủy ban nhân dân xã A, huyện Long Thành cấp giấy khai sinh số 195/2011, quyển số 01/2011. Hiện nay cháu Vy đang sống với anh D. Tại đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án, chị N yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Vy và không yêu cầu anh D cấp dưỡng nuôi con. Tuy nhiên tại phiên tòa, chị yêu cầu giao cháu Vy cho anh D tiếp tục trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, chị cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 500.000 đồng (năm trăm ngàn đồng).

Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có.

- **Bị đơn anh Dương Quốc D** đã được tống đạt hợp lệ thông báo thụ lý, giấy triệu tập làm việc, thông báo giao nộp chứng cứ, thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa nhưng anh D vẫn vắng mặt không có lý do nên không có lời khai.

- Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Thành:

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Thành phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử được thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự từ khi Tòa án thụ lý vụ án đến khi Hội đồng xét xử vào phòng nghị án. Việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn như cung cấp tài liệu, chứng cứ và tham gia tố tụng được thực hiện theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn chưa thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của pháp luật.

Về việc giải quyết vụ án: Xét quan hệ hôn nhân giữa chị N và anh D là quan hệ hôn nhân hợp pháp, vợ chồng có mâu thuẫn trầm trọng, đã sống ly thân, không hàn gắn đoàn tụ được nên yêu cầu ly hôn của chị N là có căn cứ pháp luật. Về con chung: Có 01 con chung tên Dương Ngọc V, sinh ngày 20/8/2011 hiện đang do anh D trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Căn cứ vào Điều 56, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình 2014, đề nghị Tòa án chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, xử cho chị N ly hôn anh D. Về con chung: Giao cháu V cho anh D tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng, chị N cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 500.000 đồng (năm trăm ngàn đồng). Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét. Nợ chung: Không có nên không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Bị đơn anh Dương Quốc D đã được tống đạt hợp lệ thông báo thụ lý, giấy triệu tập làm việc, thông báo giao nộp chứng cứ, thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa nhưng vắng mặt không có lý do trong suốt quá trình giải quyết vụ án. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt anh D.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị N và anh D có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã A, huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai theo giấy chứng nhận kết hôn số 48, quyển số 01/2011, trên cơ sở tự nguyện nên được xác định là hôn nhân hợp pháp theo quy định tại Điều 9, Điều 11 Luật hôn nhân và gia đình năm 2000. Theo quy định tại Điều 19 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 thì vợ chồng có nghĩa vụ chung sống với nhau, thương yêu nhau, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau, cùng nhau chia sẻ, thực hiện các xông việc trong gia đình. Tuy nhiên trong quá trình chung sống, chị N và anh D phát sinh mâu thuẫn từ đầu năm 2015 do anh D không thông cảm cho thời gian làm việc tăng ca của chị, anh D còn thường xuyên nhậu nhẹt không lo làm ăn. Ngoài ra, anh có hành vi đánh đập, bạo hành chị nên chị đã chuyển đến nơi khác sinh sống. Chị N và anh D đã ly thân từ tháng 01 năm 2017 đến nay, không thể hàn gắn đoàn tụ. Theo kết quả xác minh tại địa phương thì mâu thuẫn giữa chị N và anh D là có thật và phù hợp với lời trình bày của chị N. Xét thấy giữa chị N và anh D không còn tình nghĩa vợ chồng, không thể hàn gắn, đoàn tụ được, hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, chị N

yêu cầu được ly hôn với anh D là có căn cứ chấp nhận, cho ly hôn giữa chị N và anh D.

[3] Về con chung*:* Chị N và anh D có 01 con chung tên là Dương Ngọc V, sinh ngày 20/8/2011. Theo lời trình bày của chị N và kết quả xác minh tại địa phương thì khi chị N bỏ đi nơi khác sống thì có dẫn cháu V đi theo nhưng cháu V không đồng ý sống với chị N, mà muốn được sống với anh D, cháu V đang sống chung với anh D tại nhà riêng của anh D kể từ khi chị N chuyển đi nơi khác sinh sống cho đến nay. Cháu V hiện đang học lớp 1 tại trường tiểu học A, huyện Long Thành, được anh D hoặc chị gái của anh D sống bên cạnh nhà anh D đưa đón cháu đi học và phụ giúp chăm sóc cháu. Anh D có nhà ở, việc làm và thu nhập ổn định. Cháu được chăm sóc, nuôi dưỡng tốt, đủ điều kiện để phát triển về mặt thể chất và tinh thần.

[4] Tại đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án, chị N yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng cháu V và không yêu cầu anh D cấp dưỡng nuôi con. Tuy nhiên tại phiên tòa, chị yêu cầu giao cháu V cho anh D tiếp tục trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, chị cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 500.000 đồng (năm trăm ngàn đồng). Xét thấy, cháu V vẫn được anh D chăm sóc, nuôi dưỡng tốt nên để đảm bảo cuộc sống ổn định và điều kiện phát triển tốt cho cháu V, cần chấp nhận yêu cầu của chị N, giao cháu V cho anh D tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng, chị N cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 500.000 đồng (năm trăm ngàn đồng).

[5] Về tài sản chung*:* Tự thỏa thuận giải quyết, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

[6] Về nợ chung: Chị N khai không có và theo kết quả xác minh tại địa phương thì trong thời kỳ hôn nhân của chị N và anh D, không có ai tranh chấp với chị N và anh D về nghĩa vụ tài sản nên không xem xét.

[7] Về án phí: Chị N phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân gia đình và 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ các Điều 28, 35, 39, 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Áp dụng các Điều 9, Điều 11 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000; các Điều 56, 81, 82, 83, 84, 118 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Đậu Thị N về việc "Ly hôn" đối với anh Dương Quốc D, cho ly hôn giữa chị Đậu Thị N và anh Dương Quốc D.

Về con chung: Giao cháu Dương Ngọc V, sinh ngày 20/8/2011 cho anh D trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng, chị N cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 500.000 đồng (năm trăm ngàn đồng). Nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chấm dứt theo quy định tại Điều 118 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Kể từ ngày anh D có đơn yêu cầu thi hành án nếu chị N chưa thanh toán số tiền nêu trên thì phải trả lãi đối với số tiền chậm trả (đối với nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con) tương ứng với thời gian chậm trả. Lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được quy định tại khoản 2 Điều 357 của Bộ luật dân sự.

Chị N được quyền đến thăm nom, chăm sóc con chung không ai được cản trở. Khi cần thiết các đương sự có quyền thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Không đặt ra xem xét

Về án phí: Chị Đậu Thị N phải chịu 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân gia đình và 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) án phí dân sự sơ thẩm về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con nhưng được khấu trừ vào 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai số 006048 ngày 27/02/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Long Thành, chị N còn phải nộp tiếp 300.000 đồng.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Chị N được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án. Anh D được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Đồng Nai;
- VKSND huyện Long Thành;
- Chi cục THADS huyện Long Thành;
- UBND xã Tam An.
- Các đương sự;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Trần Thị Thanh Hoa